TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST Ngày: 06-4-2020. V/v**:** "Ly hôn giữa bà T và ông T".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Ông Pang Ting Nôck

2-Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngoc Phú- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 740/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 213/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 20, đường C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Minh Trọng, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Số 2/62 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu thể hiện tại hồ sơ nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày: Bà và ông Dương Minh T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại

địa chỉ số 2/62 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nhà của cha mẹ chồng, được một năm thì chuyển về nhà cha mẹ bà sống. Cuộc sống chung sau khi kết hôn không hòa thuận, hạnh phúc, nguyên nhân do ôngTrọng hay nhậu nhẹt, say xỉn nên thường xảy ra tranh cãi và bạo lực gia đình, đốt nhà, đốt xe của bà. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể chấp nhận được người chồng như ông Trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Bảo N, sinh ngày 12/9/2013. Hiện con ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, bà yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Theo các tài liêu thể hiện tại hồ sơ bị đơn bị đơn ông Dương Minh T trình bày: Về thời gian kết hôn là đúng như bà T đã trình bày. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên đi ra ngoài, thường về trễ ông có khuyên nhiều nhưng bà T không nghe, từ đó mâu thuẫn xảy ra. Ông thừa nhận bản thân có nhiều cái sai như uống rượu và lúc nóng giận thỉnh thoảng có đánh vợ. Tuy nhiên thời gian qua ông đã nhận ra cái sai của mình và sửa đổi, hiện tại vợ chồng sống ly thân. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông yêu cầu đoàn tụ, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng quay về đoàn tụ ông sẽ có biện pháp hàn gắn.

Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Bảo N, sinh ngày 12/9/2013. Hiện con ở với mẹ. Ông yêu cầu đoàn tụ nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ông T vẫn yêu cầu đoàn tụ vì con tình cảm với bà Th, thời gian sau khi ly hôn ông đã khắc phục sai sót là thường xuyên đến thăm vợ con và xin bà T về đoàn tụ, xin lỗi cha mẹ vợ, sửa chữa nhà cho cha mẹ vợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim Thanh, cho ly hôn giữa bà Lê Thị Kim T và ông Dương Minh T. Về con chung: Giao con chung tên Dương Bảo N, sinh ngày 12/9/2013cho Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Minh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tung tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Bà Lê Thị Kim T, có đơn khởi kiện ông Dương Minh T có địa Địa chỉ: 2/62 đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu xin ly hôn và quyền nuôi con, ông Dương Minh T không đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn và quyền nuôi con", căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a, khỏa 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Thị Kim T và ông Dương Minh T kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Kim T và ông Dương Minh T tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, qua các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và ý kiến tranh tụng tại phiên tòa mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm, dẫn đến không còn sự tôn trọng nhau, đánh đập nhau. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên bà T trở lại hằn gắn tình cảm vợ chồng với ông T nhưng bà không đồng ý. Qua xác minh được biết mâu thuẫn của hai bên là có thật, hay xảy ra và ngày càng trầm trong, hiên đã sống ly thân nhau. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Thị Kim T cho ly hôn Bà Lê Thị Kim T và ông Dương Minh T.

[4] Về con chung: Giữa Vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 12/9/2013. Ly hôn, bà Lê Thị Kim Thanh yêu cầu được nuôi con, ông T đồng ý để bà T nuôi con vì con còn nhỏ theo yêu cầu của bà T nếu tòa giải quyết cho ly hôn. Vì vậy giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi tháng 2.000.000đ/tháng. ÔngT đồng ý cấp dưỡng nuôi theo yêu cầu của bà T, nên chấp nhận sư tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con thành niên.

[6] Về tài sản chung: Hai bên không có nên không đề cập.

[7] Về nợ chung : Hai bên xác định không có nên không đề cập

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Kim T, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật. Ông Dương Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa Bà Lê Thị Kim T và ông Dương Minh T.

2.Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Dương Bảo N, sinh ngày 12/9/2013 cho Lê Thị Kim Thanh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Ông Dương Minh Trọng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3.Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bà Thanh có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Trọng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4- Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà Thanh đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0016973 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt). Ông Dương Minh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim T, ông Dương Minh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh L(02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND Phường 4, tp. Đ ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga